

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

★ NGUYỄN TRUNG THẮNG

★ NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH

Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường

● **Tóm tắt:** Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, lượng chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam đang ngày càng gia tăng, trở thành vấn đề môi trường bức xúc. Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt thời gian qua mặc dù đã có những kết quả nhất định, song vẫn còn nhiều tồn tại, thách thức. Bài viết có mục tiêu rà soát, tổng hợp, đánh giá khái quát về thực trạng công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay và khung chính sách, pháp luật; phân tích các kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc; từ đó đề ra các giải pháp để cải thiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** Chất thải rắn sinh hoạt; kinh tế tuần hoàn; mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất.

1. Thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam

Hiện nay, tại Việt Nam, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ở các tỉnh/thành phố là khoảng 67.877 tấn/ngày (trong đó khu vực đô thị phát sinh khoảng 38.143 tấn/ngày và khu vực nông thôn khoảng 29.734 tấn/ngày). Lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh hàng ngày năm 2023 tại Hà Nội khoảng 7.000 tấn/ngày, Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 9.776,3 tấn/ngày, Hải Phòng 1.862 tấn/ngày, Đà Nẵng 1.096,4 tấn/ngày⁽¹⁾. Về cơ bản, lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn phụ thuộc vào mật độ dân cư và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Nhìn chung, khu vực đồng bằng có lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt cao hơn khu vực miền núi; khu vực nào có mức tiêu dùng cao hơn thì lượng

chất thải rắn sinh hoạt phát sinh cũng cao hơn.

Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần giảm thiểu lượng chất thải phải xử lý và tăng cường tái chế, tận dụng tài nguyên. Nhiều địa phương đã tích cực xây dựng các chương trình, dự án để tổ chức triển khai thực hiện như đã nêu ở trên. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thường được thực hiện thí điểm ở quy mô nhỏ, sau đó tổng kết, rút kinh nghiệm và triển khai ở quy mô toàn tỉnh.

Tính đến nay, có một số địa phương⁽²⁾ đã thực hiện thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt như: Hà Nội tại huyện Đông Anh, quận Hoàng Mai; Đồng Nai tại 40 phường, xã trên địa bàn 11 quận, huyện; thành phố Hải Phòng tại quận Ngô Quyền, quận Hồng Bàng, quận Hải An, huyện

Vĩnh Bảo; tỉnh Lào Cai tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bát Xát, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng; tỉnh Hải Dương tại huyện Nam Sách; tỉnh Thừa Thiên Huế tại thành phố Huế; tỉnh Quảng Nam tại thành phố Hội An; tỉnh Bình Định tại thị xã Hoài Nhơn, huyện Sơn Tây và thành phố Quy Nhơn; tỉnh Lâm Đồng tại thành phố Đà Lạt, huyện Đơn Dương; tỉnh Bình Dương tại thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An và thị xã Bến Cát; Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đang thực hiện thí điểm.

Việc thu gom, vận chuyển được thực hiện khác nhau giữa đô thị và nông thôn, giữa các địa phương và thậm chí giữa các vùng trong cùng một địa phương. Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý tại đô thị trung bình khoảng 96,6%, tại khu vực nông thôn trung bình khoảng 77,69%; trong đó tỷ lệ chôn lấp khoảng 64%.

Về phương pháp xử lý chất thải, hiện nay tại Việt Nam đang áp dụng phương pháp chôn lấp, phương pháp thiêu đốt chất thải rắn sinh hoạt không kết hợp thu hồi năng lượng, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, phương pháp ủ sinh học xử lý chất thải rắn hữu cơ. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện cả nước có khoảng 1.322 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Các cơ sở xử lý chất thải rắn này đã đầu tư 381 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, 37 dây chuyền sản xuất phân compost, khoảng 904 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; trong đó nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Một số cơ sở áp dụng phương pháp đốt kết hợp thu hồi năng lượng để phát điện hoặc có kết hợp nhiều phương pháp xử lý⁽³⁾.

2. Hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

(1) Chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước

Trước thực trạng phát sinh chất thải rắn sinh

hoạt ngày càng tăng, thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành một số văn bản về chủ trương, định hướng quản lý chất thải rắn, điển hình như:

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 13/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2020 tiêu hủy, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt. Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải. Sau 05 năm thực hiện, từ kết quả sơ kết, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019, đề ra chủ trương thực hiện phân loại các chất thải tại nguồn, nhất là rác thải sinh hoạt. Tăng cường năng lực thu gom, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa việc chôn lấp rác thải. Tập trung xử lý chất thải độc hại, chất thải y tế. Có chính sách phù hợp để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải. Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm tại các bãi thải xung quanh các thành phố lớn, không để người dân sinh sống tại khu vực lân cận bức xúc, khiếu kiện do ô nhiễm bãi thải gây ra.

- Đến năm 2024, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 yêu cầu đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng; tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái. Thúc đẩy phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền, ở từng cấp độ. Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phát triển ngành công nghiệp tái chế; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng

lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa.

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững: Quyết định đưa ra các mục tiêu về quản lý chất thải, trong đó có mục tiêu 12.5: Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải.

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050: Chiến lược đưa ra các mục tiêu cụ thể về chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đến năm 2025 như 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị, 80% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường... Ngoài ra, Chiến lược cũng đưa ra các nhiệm vụ về chất thải rắn sinh hoạt như: Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và năng lực quản lý chất thải rắn của địa phương; Ưu tiên xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung vùng tỉnh, vùng liên tỉnh phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn và bảo đảm quản lý vận hành ổn định, hiệu quả...

- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị: Nhiệm vụ đưa ra các mục tiêu để quản lý chất

thải rắn sinh hoạt, cụ thể đến năm 2025, 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết đưa ra là thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh; thiết lập hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ; tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn; kiểm soát và quản lý hiệu quả chất thải nguy hại, chất thải y tế. Xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm tại các bãi thải xung quanh Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, không để người dân sinh sống tại khu vực lân cận bức xúc, khiếu kiện do ô nhiễm bãi thải gây ra.

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Chiến lược đưa ra nhiệm vụ tăng cường quản lý chất thải rắn, cụ thể như: Tập trung đầu tư cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở các đô thị đặc biệt và đô thị loại I. Triển khai thực hiện phân loại tại nguồn và thu phí theo lượng chất thải rắn phát sinh để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế; Tăng cường giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn thông qua phát triển và ứng dụng các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh doanh dựa trên nền tảng số, các dịch vụ cho thuê; Thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, hình thành các khu công nghiệp tái chế; khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở tái chế có công nghệ hiện đại; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề...

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Quy

hoạch đề ra mục tiêu định hướng hình thành đồng bộ hệ thống khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên cả nước; hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp trực tiếp; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải. Đồng thời, xây dựng được cơ chế, chính sách thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động xử lý chất thải. Đến năm 2030, thành lập tối thiểu 02 khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia (Dung Quất - Quảng Ngãi và Thủ Thừa, Long An), 07 khu xử lý cấp vùng (Sóc Sơn - Hà Nội, Sông Công - Thái Nguyên, Đắk R'lấp - Đắk Nông, Đa Phước - Thành phố Hồ Chí Minh, Phước Hiệp - Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Cát - Bình Dương, Khu xử lý chất thải nguy hại - Cà Mau) và ít nhất 01 khu xử lý tại mỗi tỉnh, thành phố.

(2) Các quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là một trong những nội dung quan trọng được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với 6 Điều (từ Điều 75 – 80) quy định cụ thể các nội dung: Phân loại, lưu giữ, chuyển giao; Điểm tập kết, trạm trung chuyển; Thu gom, vận chuyển; Xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý; Xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp nhằm thúc đẩy người dân phân loại, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nguồn. Đồng thời, Luật cũng quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường 2020 cũng đã quy định về mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR) trong việc thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ, bao gồm cả các loại bao bì nhựa (Điều 54 và Điều 55).

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã quy định chi tiết hơn các yêu cầu về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại mục 2, chương V, cụ thể tại Điều 58-64 về: Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; Lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp; Trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 đã quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm: (1) Nội dung về yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (2) Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (3) Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (4) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (5) Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải; (6) Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (7) Đóng bãi

chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đưa ra định hướng ưu tiên về bảo vệ môi trường, trong đó có chất thải rắn: Ưu tiên xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung, đồng bộ, hiện đại liên vùng, liên tỉnh, đặc biệt là các cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Cải tạo, nâng cấp, kiểm soát các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái do chất thải rắn, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, từng bước hạn chế chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; chuyển đổi các bãi chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt thành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ hiện đại.

Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt đưa ra nhận diện tối đa chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân và phân loại thành 3 nhóm chất thải chính theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) chất thải rắn sinh hoạt khác.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tiếp tục xây dựng, ban hành 3 Thông tư, 2 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và 1 hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gồm: Thông tư về quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt sau phân loại; Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động thu gom, vận chuyển, chất thải sinh hoạt sau phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh, xử lý chất thải thực phẩm thành mùn; Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng các phương pháp còn lại; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bãi chôn lấp chất thải rắn; Hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn.

Đối với chất thải nhựa, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện một số giải pháp để từng bước giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa: Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt Đề án tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilông khó phân hủy trong sinh hoạt đến năm 2020; Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 về tăng cường quản lý tái sử dụng, tái chế và giảm thiểu chất thải nhựa; Quyết định số 1407/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Việt Nam chủ động chuẩn bị và tham gia xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa đại dương;... Việt Nam cũng đã và đang tích cực tham gia đàm phán về Thỏa thuận chống ô nhiễm nhựa toàn cầu; vòng đàm phán thứ 5 vừa diễn ra ở Busan, Hàn Quốc từ 25/11-01/12/2024.

Ngoài ra, còn một số văn bản pháp luật liên quan đến xử lý chất thải rắn sinh hoạt như: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (QCVN 61-MT:2016/BTNMT); Tiêu

chuẩn xây dựng Việt Nam về Bãi chôn lấp chất thải rắn (TCXDVN 261-2001)...

Bên cạnh các chính sách, pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, trong thời gian qua, chính sách, pháp luật về kinh tế tuần hoàn cũng đã được xây dựng, ban hành. Từ sau Đại hội lần thứ XIII của Đảng, kinh tế tuần hoàn đã được quan tâm, đề cập trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2023 cũng như trong các Nghị quyết chuyên ngành về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; về kinh tế tập thể; về năng lượng... Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam với những quan điểm, định hướng và phân công rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và đang trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn. Như vậy, trong thời gian gần đây, kinh tế tuần hoàn đã nhận được quan tâm, chỉ đạo khá toàn diện của Đảng, Nhà nước ta.

Về quy định pháp luật, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã lần đầu tiên quy định khái niệm về kinh tế tuần hoàn. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện các biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối (Điều 142, Luật Bảo vệ môi trường 2020). Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn thi hành

Luật Bảo vệ môi trường 2020 cũng đã có các quy định chi tiết hơn về tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn.

(3) Đánh giá chung về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Về những kết quả đạt được

Thứ nhất, hệ thống văn bản pháp luật ngày càng hoàn thiện, tạo căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý chất thải thống nhất theo hướng kinh tế tuần hoàn; là bước tiến quan trọng để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải.

Kinh tế tuần hoàn đã lần đầu tiên được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Các quy định pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt đã được tăng cường trong Luật Bảo vệ môi trường 2020; cơ chế mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR) cũng đã được sửa đổi, cụ thể hóa. Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã đổi mới phương thức quản lý chất thải, coi chất thải là tài nguyên sau khi được phân loại để góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý quan trọng để bảo đảm thực hiện thành công yêu cầu phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo lộ trình chậm nhất là ngày 31/12/2024. Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã quy định việc thu phí chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích thay cho việc tính bình quân theo hộ gia đình hoặc đầu người như hiện nay. Ngoài ra, chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được khuyến khích tận dụng tối đa lượng chất thải thực phẩm làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi để giảm chôn lấp.

Thứ hai, đã xây dựng được các quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp quốc gia, vùng và quy hoạch tại các địa phương, làm căn cứ để xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp

ứng yêu cầu về phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên quy mô toàn quốc.

Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia đã được ban hành với định hướng hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh theo nguyên tắc đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ xử lý thích hợp theo hướng tiên tiến, hiện đại, quy mô công suất đáp ứng yêu cầu thu gom, tiếp nhận, xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước; bảo đảm thực hiện thành công các mục tiêu quản lý chất thải theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn... Hiện nay, nhiều tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã có quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có nội dung quy hoạch cho hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Bên cạnh đó, quy hoạch về chất thải rắn trong các quy hoạch vùng cũng đã được ban hành.

Thứ ba, nhiều địa phương, đặc biệt là các thành phố trực thuộc Trung ương đã bắt đầu thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở quy mô lớn hơn. Đến tháng 11/2024 đã có 46 địa phương ban hành quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt hoặc lồng ghép hoạt động này trong quy định quản lý chất thải rắn; còn 17 địa phương, trước đây đã có quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhưng chưa cập nhật nội dung, hướng dẫn về phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cơ sở hạ tầng xử lý có bước cải thiện, công nghệ đốt phát điện đã được áp dụng ở một số địa phương (Hà Nội, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Cần Thơ), nhiều địa phương đang trong quá trình xây dựng dự án (Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Phú Thọ...); từ đó làm giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phải chôn lấp.

Bốn là, hệ thống chính sách pháp luật về chất thải nhựa đã được thiết lập. Đây là một trong những loại chất thải rắn sinh hoạt bức xúc hiện nay; công tác quản lý đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Các văn bản này lần đầu tiên quy định về vi nhựa, sản phẩm nhựa dùng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học. Theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì các sản phẩm nhựa dùng một lần sẽ không còn được sử dụng trên cả nước sau năm 2030. Các văn bản pháp luật góp phần trực tiếp trong nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các nhà sản xuất và người dân trong công tác quản lý chất thải nhựa. Nhiều tỉnh/thành cũng đã ban hành kế hoạch hành động của địa phương về quản lý rác thải nhựa đại dương và triển khai các mô hình giảm thiểu, hạn chế phát sinh chất thải nhựa. Mô hình hoạt động cụ thể tại một số địa phương cũng được xây dựng và lan rộng để giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa nói chung và chất thải nhựa biển tại các khu du lịch (mô hình cá voi ăn rác thải nhựa tại bãi biển Đồ Sơn, Hải Phòng; tại Quảng Ninh, vịnh Hạ Long thay thế toàn bộ các sản phẩm nhựa trong hoạt động dịch vụ, du lịch trên vịnh; Đảo Cô Tô sử dụng làn nhựa và các đồ đựng làm từ vật liệu tái chế; đảo Cái Chiên phân loại rác trên bờ biển; Đà Nẵng, Phú Yên và Kiên Giang đang tham gia chương trình đô thị giảm nhựa...

Về những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện, vẫn còn thiếu các hướng dẫn cụ thể và định hướng, lộ trình về áp dụng kinh tế tuần hoàn ở nước ta. Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn; định mức chi phí tái chế các sản phẩm thuộc cơ chế EPR chưa được ban hành. Thông tư quy trình kỹ thuật và Thông tư định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử

lý chất thải rắn sinh hoạt chưa được ban hành làm cơ sở cho các địa phương định giá dịch vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Nhiều dự án điện rác dự kiến ở các thành phố lớn chưa nằm trong quy hoạch điện VIII, cần phải cập nhật. Quy trình thủ tục xin giấy phép phức tạp, thời gian phê duyệt kéo dài của các dự án khiến cho các dự án điện rác cũng khó có thể phát triển nhanh trong khi nhu cầu xử lý rác triệt để với công nghệ tiên tiến đang rất cấp bách. Trong một số trường hợp, việc yêu cầu phải đánh giá công nghệ trước khi phê duyệt làm hạn chế rất nhiều tính kinh tế của dự án, vì bó buộc vào nhà cung cấp công nghệ. Thông tư số 15/2023/TT-BXD ban hành quy chuẩn Việt Nam về hệ thống công trình hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quy định số lượng lò đốt tối thiểu để xử lý rác, nêu cơ sở đốt rác lớn hơn 1.000 tấn/ngày cần số lò hoạt động thường xuyên lớn hơn ba lò. Điều này là bất hợp lý vì với sự phát triển của công nghệ đốt rác phát điện hiện nay, công suất đốt lò hơn 1.000 tấn cho một lò là phổ biến.

Thứ hai, nhiều địa phương chưa ban hành quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá... Đây là các văn bản, hành lang pháp lý quan trọng cho việc triển khai thực hiện quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân theo lộ trình chậm nhất là ngày 31/12/2024.

Thứ ba, hệ thống hạ tầng phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn thiếu và không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt ở các chung

cư cao tầng, nhìn chung, chưa được triển khai thực hiện. Ở một số nơi, chất thải rắn sinh hoạt đã được hộ gia đình phân loại, nhưng lại không có các thiết bị lưu giữ và vận chuyển phù hợp nên việc thực hiện phân loại chưa đạt được hiệu quả cao. Các đơn vị tham gia thu gom, vận chuyển chưa có các thùng chuyên chở và lưu giữ theo các loại rác thải đã phân loại, thiếu phương tiện thu gom, vận chuyển riêng biệt từng loại rác, thiếu các điểm trung chuyển, tập kết rác. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn chủ yếu là chôn lấp; với tỷ lệ khoảng 65-70% chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp; tỷ lệ tái chế chưa cao. Công nghệ đốt rác phát điện chưa khuyến khích phân loại.

Ngoài ra, nhận thức và sự vào cuộc của chính quyền một số địa phương còn chậm, chưa quyết liệt, chưa đưa các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật trong thu gom, vận chuyển, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, các điểm tập kết/trạm trung chuyển/trạm phân loại chất thải rắn sinh hoạt, các khu tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào trong quy hoạch của tỉnh/thành phố để có lộ trình thực hiện. Nhận thức của cộng đồng, người dân về phân loại chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế và cần thời gian để tổ chức thực hiện. Các địa phương chưa tích cực xây dựng các mô hình thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt để từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với địa phương.

Thứ tư, công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt còn thiếu sự liên kết, thống nhất giữa các địa phương, vùng, miền. Mặc dù Quy hoạch bảo vệ môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt nhưng việc thành lập các dự án xử lý cấp quốc gia, liên vùng, liên tỉnh còn hạn chế. Việc cung cấp nguồn rác không đủ, không ổn định và các hợp đồng dịch vụ ngắn

hạn cũng là thách thức lớn, đặc biệt tại các địa phương có khối lượng rác ít. Bên cạnh đó, mỗi địa phương hiện có phương án khác nhau về hợp đồng xử lý rác thải. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị chỉ cần ký hợp đồng dài hạn với Sở Tài nguyên và Môi trường nhưng tại nhiều tỉnh khác, hợp đồng thường ngắn hạn và phân bổ theo huyện, điều này gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

Thứ năm, còn nhiều bất cập trong quản lý chất thải nhựa, lộ trình giảm dần và loại bỏ sử dụng sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy đã được ban hành, nhưng chưa được quy định rõ trong các chế định về hạn chế thu hút đầu tư các dự án về sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần. Việc thực hiện đánh thuế đối với sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể đối với người dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà hàng, khách sạn và khu du lịch⁽⁴⁾.

Thứ sáu, còn thiếu các quy định để thúc đẩy thực hiện các cơ chế tài chính xanh; việc xã hội hóa và huy động khu vực tư nhân tham gia xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn gặp nhiều vướng mắc. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải, tận thu năng lượng từ quá trình xử lý đã được ban hành; tuy nhiên còn thiếu quy định phân loại xanh, các tiêu chí chứng nhận dự án xanh. Việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sau xử lý (số dự án xử lý chất thải rắn được vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi rất ít) còn rất khó khăn.

Các địa phương đang gặp khó khăn trong việc xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng, vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Một số địa phương đã có các nhà đầu tư quan tâm, nhưng còn nhiều vướng mắc liên quan đến pháp lý. Thủ tục đấu thầu theo quy định pháp luật

còn phức tạp, khó khăn. Chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiết về nội dung chi tiết tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, mẫu hợp đồng dự án phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

3. Khuyến nghị giải pháp chính sách

Một là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ từ phân loại, thu gom, xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn: ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn; ban hành định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì để thực hiện EPR. Ban hành các thông tư hướng dẫn về: quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành trạm trung chuyển, hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng các phương pháp còn lại; lưu trữ, thu gom, vận chuyển và việc áp dụng đơn giá xử lý đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân sau phân loại; quy định phương án lưu trữ, thu gom, vận chuyển riêng so với các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cập nhật ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn như: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bãi chôn lấp chất thải rắn... Cập nhật các dự án điện rác trong Quy hoạch Điện VIII và quy hoạch tỉnh, thành phố.

Hai là, các tỉnh, thành phố cần phải chủ động xây dựng và thực hiện đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; thực hiện tốt Quy hoạch bảo vệ môi

trường quốc gia: Các địa phương cần sớm xây dựng, triển khai đề án/kế hoạch phân loại tại nguồn; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại. Đầu tư hệ thống hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đồng bộ, hiện đại theo hướng tăng tỷ lệ tái sử dụng, tái chế, hạn chế chôn lấp, thu hồi năng lượng. Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; thúc đẩy xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn cấp quốc gia, cấp vùng; khuyến khích liên kết, hợp tác liên tỉnh.

Ba là, xây dựng các cơ chế, chính sách thực hiện tài chính xanh, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động thu gom và tái chế chất thải rắn sinh hoạt. Ban hành các tiêu chí phân loại xanh để thúc đẩy tín dụng xanh, trái phiếu xanh; cải cách thủ tục hành chính trong tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách khuyến khích thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn tại doanh nghiệp; thu hút khu vực tư nhân trong đầu tư và hợp tác để cải thiện hạ tầng quản lý chất thải. Nhà nước chỉ đóng vai trò xây dựng cơ chế, chính sách; tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách về đầu thầu; huy động sự tham gia của khu vực tư nhân theo cơ chế PPP.

Bốn là, đối với chất thải nhựa, cần xây dựng và hoàn thiện quy định về thuế, phí và xử lý vi phạm liên quan đến chất thải nhựa. Cần nghiên cứu, sửa đổi Luật thuế bảo vệ môi trường năm 2010 để bổ sung danh mục túi nilông và các sản phẩm nhựa chịu thuế, quy định mức thuế bảo vệ môi trường phù hợp, góp phần khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường; hạn chế việc sản xuất và sử dụng sản phẩm nhựa gây tác động xấu đến môi trường. Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các loại hàng hóa chứa vi nhựa, nano nhựa, túi nilông và sản phẩm nhựa dùng một lần. Hoàn thiện các quy định kỹ thuật để gắn nhãn sinh thái đối với các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Yêu cầu các siêu thị, trung tâm thương mại ngừng phân phát túi nilông miễn phí cho khách hàng.

Năm là, tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đặc biệt là về phân loại tại nguồn. Xây dựng và tổ chức thực hiện, nhân rộng các mô hình thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật đối với việc cải tạo, nâng cấp, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh; hướng dẫn các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị, nông thôn ♦

-
- (1) Chính phủ (2024), *Báo cáo số 212/BC-CP ngày 04/5/2024 về công tác bảo vệ môi trường năm 2023*.
 - (2) Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), *Báo cáo công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt*, 4/2024.
 - (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
 - (4) Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, Trần Đăng Quy, Phạm Văn Hiếu, Tạ Thị Hoài, Lê Thị Khánh Linh, Nguyễn Doanh Khoa (2022), *Báo cáo hiện trạng chất thải nhựa năm 2022*.